

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
Q. THỐT NỐT - TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10.3.2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân*:
 1. Bà Thái Ánh Trinh
 2. Ông Nguyễn Văn Thảo
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nhân - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 409/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị N** sinh năm 1987
Đăng ký thường trú: khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.
Trú tại: ấp X, xã Y, huyện Z, thành phố Cần Thơ.
2. Bị đơn: Anh **Trần Văn H** sinh năm 1985
Trú tại: khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.
3. Người có quyền, lợi ích được bảo vệ - con chung:
 - 3.1. Cháu **Trần Văn S** sinh ngày 26.3.2008
(đang sống với anh H tại khu vực A, phường B, quận T; và do anh H là người giám hộ).
 - 3.2. Cháu **Trần Văn L** sinh ngày 22.5.2011
(đang sống với chị N tại xã Y, huyện Z; và do chị N là người giám hộ).
(Nguyên đơn có mặt; bị đơn và người có quyền, lợi ích được bảo vệ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn xin ly hôn đề ngày 16.9.2019 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn chị Huỳnh Thị N trình bày:*

Chị với anh Trần Văn H được gia đình mai mối và tổ chức lễ cưới vào năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B,

huyện T, tỉnh Cần Thơ cũ nay là phường B, quận T, thành phố Cần Thơ ngày 25.9.2007. Sau khi cưới, vợ chồng sống bên gia đình chồng tại khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ từ đó đến khi vợ chồng ly thân.

Quá trình chung sống vợ chồng thường hay cãi vã, không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, anh H không tin tưởng mà thường xuyên xua đuổi chị nên từ tháng 6.2019 chị N về nhà cha mẹ ruột tại xã Y, huyện Z để sống ly thân với anh H từ đó đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Trần Văn S, sinh ngày 26.3.2008 và Trần Văn L, sinh ngày 22.5.2011. Hiện cháu L đang sống với mẹ, còn cháu S đang sống với cha.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn đối với anh Trần Văn H.

- *Về con chung*: Chị yêu cầu được quyền nuôi con chung Trần Văn L đến trưởng thành. Ôn định cho anh H được quyền nuôi con chung Trần Văn S đến trưởng thành. Đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng nên không ai phải cấp dưỡng cho con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: không có.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 06.02.2020 và quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn anh Trần Văn H trình bày:*

Anh thống nhất vợ chồng được gia đình làm mai mối, đến năm 2007 thì anh với chị N được gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Cần Thơ vào ngày 25.9.2007.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Trần Văn S, sinh ngày 26.3.2008 và Trần Văn L, sinh ngày 22.5.2011. Hiện cháu L đang sống với mẹ còn cháu S đang sống với cha tại khu vực A, phường B, quận T.

Anh thừa nhận mâu thuẫn do chị N có mối quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, chị N tự ý về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh từ giữa năm 2019 đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

Về hôn nhân: Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn; *Về con chung*: Anh yêu cầu được quyền nuôi con chung Trần Văn S đến trưởng thành, đồng ý cho chị N được quyền nuôi cháu Trần Văn L đến trưởng thành; yêu cầu đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng với nhau; *Về tài sản chung, nợ chung*: không có.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 06.02.2020 và quá trình giải quyết vụ kiện, người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu Trần Văn S trình bày:*

Cháu là con của cha là Trần Văn H và mẹ là Huỳnh Thị N. Hiện nay cháu đang sống với cha tại khu vực A, phường B, quận T. Nay cha mẹ ly hôn thì cháu yêu cầu được sống với cha đến trưởng thành, không yêu cầu mẹ cấp dưỡng nuôi con.

** Tại tòa tự khai ngày 06.02.2020 và quá trình giải quyết vụ kiện, người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu Trần Văn L trình bày:*

Cháu là con của cha là Trần Văn H và mẹ là Huỳnh Thị N. Hiện nay cháu đang sống chung với mẹ tại xã Y, huyện Z, thành phố Cần Thơ. Nay cha mẹ ly hôn thì cháu yêu cầu được sống với mẹ đến trưởng thành, không yêu cầu cha cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, chị N yêu cầu ly hôn với anh H. Yêu cầu được quyền nuôi cháu L đến trưởng thành, đồng ý ổn định cho anh H được quyền nuôi cháu S đến trưởng thành, yêu cầu đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định;

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Huỳnh Thị N đối với bị đơn anh Trần Văn H; Ổn định cho chị N được quyền tiếp tục nuôi con chung Trần Văn L đến trưởng thành, ổn định cho anh H được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Trần Văn S đến trưởng thành. Đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không đề cập giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Chị Huỳnh Thị N với anh Trần Văn H tự nguyện yêu thương, được gia đình hai bên tác hợp và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Cần Thơ cũ nay là phường B, quận T, thành phố Cần Thơ ngày 25.9.2007 nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn nên chị N có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Trần Văn H và người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu Trần Văn S vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Chị N và anh H chung sống từ năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị N thì do tính tình vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng không tin tưởng nhau mà thường xuyên xảy ra cự cãi nên vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Bị đơn anh Trần Văn H thừa nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, anh có nghi ngờ chị N có mối quan hệ với người khác nên anh hay ghen tức, nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Hơn nữa, trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6.2019 đến nay, cả hai không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy, tình trạng vợ chồng giữa chị N với anh H đã thật sự rạn nứt, thực tế hôn nhân đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Các đương sự thống nhất vợ chồng có 02 con chung gồm Trần Văn S, sinh ngày 26.3.2008 và Trần Văn L, sinh ngày 22.5.2011. Cháu L đang sống với mẹ, còn cháu S đang sống với cha. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Theo đó, chị N yêu cầu được nuôi cháu L, ổn định cho anh H được quyền nuôi cháu S, yêu cầu đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay cháu L đang sống với chị N còn cháu S đang sống với anh H nên cần thiết ổn định quyền nuôi con cho chị N và anh H như hiện trạng thực tế là phù hợp yêu cầu của các đương sự và nguyện vọng của các cháu theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Hơn nữa điều này không làm thay đổi môi trường sống và sự phát triển bình thường của các con chung.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Ngoài ra, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, 53, 56, 81, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị N đối với bị đơn anh Trần Văn H.

1. *Về hôn nhân*: Chị Huỳnh Thị N được ly hôn với anh Trần Văn H.

2. *Về con chung*: Chị Huỳnh Thị N được quyền nuôi con chung tên Trần Văn L, sinh ngày 22.5.2011 đến trưởng thành. Anh Trần Văn H được quyền nuôi con chung tên Trần Văn S, sinh ngày 26.3.2008 đến trưởng thành. Đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng nên không ai phải cấp dưỡng cho con.

Anh H, chị N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh H, chị N thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc trình bày không có tài sản chung và nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Huỳnh Thị N phải nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo phiếu thu số AA/2019/011876 ngày 06.12.2019 được chuyển thành án phí - đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Rêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- TAND tp. Cần Thơ;
- VKSND quận T;
- THA quận T;
- UBND phường B (nơi đkkh);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền